

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm xuống theo triều; mực nước thấp nhất biến đổi chậm trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 13/02 đến 17/02/2025

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		12/2	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	1.34	-0.44	0.11	1.40	1.36	1.32	1.29	1.24
						Min	-0.25	-0.40	-0.56	-0.27	-0.19	-0.14	-0.11	-0.19
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	2.00	2.50	3.00	Max	1.44	-0.38	0.24	1.42	1.38	1.34	1.31	1.26
						Min	-0.40	-0.36	-0.39	-0.42	-0.34	-0.29	-0.26	-0.34
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	1.19	-0.34	-0.01	1.17	1.15	1.12	1.09	1.04
						Min	0.23	-0.38	-0.32	0.21	0.20	0.23	0.27	0.21
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	1.54	-0.39	0.28	1.52	1.48	1.45	1.42	1.37
						Min	-0.26	-0.38	-0.49	-0.28	-0.19	-0.14	-0.10	-0.18
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	1.60	-0.40	0.29	1.59	1.56	1.53	1.50	1.45
						Min	-0.36	-0.33	-0.24	-0.38	-0.30	-0.25	-0.22	-0.30
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	1.45	-0.40	0.21	1.43	1.40	1.37	1.34	1.29
						Min	-0.35	-0.34	-0.43	-0.37	-0.29	-0.24	-0.21	-0.29
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	0.44	-0.13	-0.01	0.40	0.38	0.36	0.33	0.28
						Min	0.12	-0.12	-0.09	0.10	0.08	0.06	0.04	0.04
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	0.30	-0.07	-0.01	0.27	0.27	0.25	0.23	0.22
						Min	0.21	-0.11	-0.06	0.19	0.18	0.16	0.15	0.14
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	0.55	-0.11	0.10	0.52	0.50	0.48	0.45	0.43
						Min	0.20	-0.12	-0.02	0.17	0.15	0.13	0.11	0.11
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	0.66	-0.03	0.22	0.63	0.61	0.59	0.56	0.54
						Min	0.45	-0.06	0.11	0.42	0.40	0.38	0.36	0.36
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	0.32	-0.06	0.07	0.29	0.27	0.25	0.24	0.23
						Min	0.21	-0.07	0.03	0.19	0.18	0.16	0.15	0.14
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	0.80	-0.07	0.23	0.77	0.75	0.73	0.70	0.68
						Min	0.58	-0.11	0.16	0.55	0.53	0.51	0.49	0.49
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	1.12	-0.12	0.27	1.09	1.07	1.05	1.02	1.00
						Min	0.51	-0.21	0.01	0.48	0.46	0.44	0.42	0.42
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	0.81	-0.07	0.13	0.78	0.76	0.74	0.71	0.69
						Min	0.51	-0.11	0.03	0.48	0.46	0.44	0.42	0.42

3. Cảnh báo (nếu có):

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>